

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 – 9 – 2024  
V/v tranh chấp HNGĐ  
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc M

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị P

2. Ông Trần Văn Bé H

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 517/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ C, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị **Lê Thị Thu N** là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Thu N và anh C có đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Cả hai đã không còn sống chung từ mấy năm nay, chỉ qua lại gặp nhau để cùng quan tâm, chăm sóc con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Thu N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 01/5/2013. Hiện con chung đang sống với mẹ.

Khi ly hôn, chị T Năm yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Minh C có văn bản ghi ý kiến trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thu N.

- Con chung: Thống nhất giao con chung Nguyễn Minh D, sinh ngày 01/5/2013 cho chị N nuôi dưỡng. Anh C không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Căn cước công dân (Bản photo);

- 01 trích lục kết hôn (Bản sao);

- 02 Giấy khai sinh (Bản sao).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Thu N có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Minh C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Minh C là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh C là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh C có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Minh C là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2010, do đó hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp.

Theo chị N trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian sau, chị N và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị N và anh C không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Minh C tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh C có đơn xin vắng mặt cũng như đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu N. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh C là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Xét từ khi chị N, anh C sống xa nhau đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh D; Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 30/8/2024, cháu D có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị N.

Do đó, giao con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 01/5/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N và anh C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh C trình bày vợ chồng không có nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thu N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu N.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

- Về con chung: Chị Lê Thị Thu N được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Minh D, sinh ngày 01/5/2013.

Anh Nguyễn Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008919 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- UBND xã Mỹ Hội, HCL, ĐT;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Minh**